

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **235**/UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **16** tháng 01 năm 2021

V/v hoàn thiện đề xuất  
Dự án nước sạch và vệ sinh  
nông thôn bền vững và  
ứng phó với biến đổi  
khí hậu vốn vay WB

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện nội dung Công văn số 11880/BTC-QLN ngày 29/9/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý đề xuất Dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025 dự kiến vay vốn WB; Công văn số 7421/BKHĐT-KTĐN ngày 09/11/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh nội dung và hoàn thiện đề xuất Dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn sử dụng vốn vay WB; Công văn số 8199/BNN-TCTL ngày 26/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hoàn thiện đề xuất Dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn sử dụng vốn vay WB. Trên cơ sở nội dung Công văn số 308/UBND-NNTN ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đề xuất Dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn giai đoạn 2021-2025 vốn vay WB, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất Dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi, vốn vay WB, với các nội dung chính sau:

I. Ý kiến giải trình theo đề nghị của các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Phụ lục kèm theo Công văn này.

II. Hoàn thiện đề xuất Dự án

1. Tên dự án: Dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cơ quan tổ chức quản lý Dự án

a) Chủ quản Dự án: UBND tỉnh Quảng Ngãi.

b) Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi.

3. Mục tiêu của Dự án

a) Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao khả năng tiếp cận nước sạch và vệ sinh nông thôn một cách bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu ở các khu vực nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Cải tạo, nâng cấp và mở rộng các công trình cấp nước đã bị hư hỏng, xuống cấp tại các xã đang khó khăn về nước sạch, đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu và vận hành bền vững.

- Xây mới các công trình nước sạch tại các xã khó khăn hiện nay còn chưa có công trình cấp nước sạch, đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu và vận hành bền vững.

- Xây dựng năng lực địa phương và quốc gia về xây dựng, triển khai vận hành và nhân rộng các công trình cấp nước nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khám phá các phương án hợp tác công tư để huy động thêm vốn hoặc hỗ trợ quản lý vận hành hiệu quả hơn các công trình cấp nước nhằm tăng cường tính bền vững và giảm gánh nặng tài chính.

- Truyền thông thay đổi hành vi về việc sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, rửa tay bằng xà phòng để tăng cường phòng chống dịch bệnh Covid.

4. Địa điểm xây dựng: Thuộc các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Tư Nghĩa và thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nội dung đề xuất Dự án tại tỉnh Quảng Ngãi gồm 3 phần chính:

a) Hợp phần 1: Nâng cao khả năng tiếp cận cấp nước nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đầu tư công trình cấp nước, bao gồm các biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

- Tính bền vững của công trình sau đầu tư, bao gồm quản lý vận hành, bền vững tài chính và các biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

b) Hợp phần 2: Cải thiện vệ sinh môi trường và phòng ngừa Covid.

c) Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hiện Dự án, củng cố ngành, nâng cao năng lực, tăng cường thể chế.

6. Dự kiến thời gian thực hiện Dự án tại tỉnh Quảng Ngãi

a) Thời gian chuẩn bị Dự án từ năm 2021 – 2022;

c) Thời gian thực hiện Dự án từ Quý II/2022 – 2026.

7. Dự kiến tổng mức, cơ chế tài chính của dự án

a) Tổng mức vốn đầu tư Dự án tại tỉnh Quảng Ngãi:

Tổng mức đầu tư của Dự án là 351,00 tỷ VNĐ, tương đương 15,12 triệu USD; trong đó:

- Vốn vay WB: 304,448 tỷ VNĐ, tương đương 13,11 triệu USD.
- Vốn đối ứng của địa phương: 46,552 tỷ VNĐ, tương đương 2,01 triệu USD.

Cụ thể:

*Đối với hợp phần 1:*

Nhu cầu kinh phí của Hợp phần này là 346,00 tỷ VNĐ, tương đương 14,90 triệu USD. Trong đó:

- Vốn WB là 304,448 tỷ VNĐ, tương đương 13,11 triệu USD.
- Vốn đối ứng của tỉnh là 41,552 tỷ VNĐ, tương đương 1,79 triệu USD.

*Đối với Hợp phần 2:*

Nhu cầu kinh phí của Hợp phần này là 2,50 tỷ VNĐ, tương đương 0,11 triệu USD, sử dụng 100% từ vốn ngân sách địa phương.

*Đối với Hợp phần 3:*

Nhu cầu kinh phí của Hợp phần này là 2,50 tỷ VNĐ, tương đương 0,11 triệu USD, sử dụng 100% từ vốn ngân sách địa phương.

b) Cơ chế tài chính của Dự án (Hợp phần 1):

Thực hiện quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

+ 30% do Chính phủ cấp phát cho UBND tỉnh.

+ 70% do Ủy ban nhân dân tỉnh vay lại.

*(Nội dung chi tiết trong Đề xuất Dự án kèm theo).*

Kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề xuất dự án chung để kịp thời triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cục Thủy lợi;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: PCVP (NN), KT, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc18).



**CHỦ TỊCH**

**Đặng Văn Minh**



**Phụ lục**  
**GIẢI TRÌNH VĂN BẢN CỦA CÁC BỘ: KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH**  
*(Kèm theo Công văn số 235/UBND-NNTN ngày 16/01/2021*  
*của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 8199/BNN-TCTL ngày 26/11/2020 về việc hoàn thiện đề xuất Dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn sử dụng vốn vay WB, UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp thu và giải trình như sau:

TT	Ý kiến, yêu cầu	Tiếp thu, giải trình
I	<b>Ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b> (Công văn số 7421/BKHĐT-KTĐN ngày 09/11/2020)	
1	Về cơ sở đề xuất sử dụng vốn vay WB và vốn doanh nghiệp tư nhân để thực hiện dự án:	
	- Đề nghị rà soát, đảm bảo không trùng lặp với các dự án mới đang đề xuất sử dụng các nguồn vốn đầu tư khác của địa phương.	- Các dự án đề xuất không trùng lặp với các dự án sử dụng nguồn vốn khác tại tỉnh Quảng Ngãi và phù hợp với Quy hoạch cấp nước sạch nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 27/11/2017.
	- Đối với vốn vay WB: Đề nghị giải trình về sự phù hợp và hiệu quả khi sử dụng vốn vay WB so với phương án sử dụng các nguồn vốn đầu tư khác để thực hiện dự án.	- Hiện nay, nguồn lực của tỉnh còn nhiều hạn chế chưa thể bố trí đầu tư những công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (CT) có quy mô lớn, chỉ tập trung bố trí kinh phí sửa chữa, nâng cấp các CT hư hỏng và xây mới CT có quy mô nhỏ. Do đó, việc sử dụng nguồn vốn vay WB để đầu tư xây dựng dự án là rất phù hợp để cấp nước sạch cho nhân dân và nâng cao tỷ lệ nước sạch trong giai đoạn 2021-2025.
	- Đối với vốn doanh nghiệp tư nhân: Đề nghị xác định cụ thể cơ chế, nguyên tắc, phương án và hợp phần sử dụng nguồn vốn tư nhân, đối tượng doanh nghiệp tư nhân được lựa chọn tham gia cũng như quyền, lợi ích, trách nhiệm của doanh nghiệp tư nhân khi tham gia góp vốn thực hiện.	- Với doanh nghiệp tư nhân thực hiện theo Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 14/7/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.
- Về cơ chế khai thác, vận hành dự án sau khi kết thúc: Đề nghị xác định rõ cơ quan, tổ chức được giao khai thác,	- Thực hiện Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế về đầu tư –	

	vận hành và nguyên tắc phân chia nguồn thu từ việc khai thác, vận hành này (nếu có).	xây dựng và quản lý, khai thác sử dụng, duy tu bảo dưỡng các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, thì các công trình thuộc dự án sau khi hoàn thành sẽ do Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh quản lý khai thác. Riêng công trình thực hiện XHH do tư nhân quản lý khai thác.
	Về các hợp phần của dự án:	
2	- Đề nghị rà soát đảm bảo các hạng mục chi phí của Dự án theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 về việc chỉ sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.	- Các hạng mục chi phí của dự án thực hiện theo đúng Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 về việc chỉ sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.
	- Đề nghị các địa phương rà soát, tính toán lại chi phí cụ thể đối với từng hợp phần/tiểu hợp phần, đồng thời phân định rõ cơ cấu chi phí của các hợp phần/tiểu hợp phần thuộc Dự án thành phần của mỗi cơ quan chủ quản theo vốn vay cấp phát từ ngân sách trung ương, vốn vay cho vay lại, vốn không hoàn lại, vốn đối ứng, vốn tư nhân.	- Chỉ đầu tư Tiểu hợp phần 1.1. Công trình cấp nước tập trung; trong đó Nhà nước đầu tư xây dựng mới 04 công trình; nâng cấp, mở rộng 03 công trình và kêu gọi xã hội hóa 01 công trình. Cơ cấu chi phí xem đề xuất Dự án đính kèm.
3	- Về các dự án thành phần: Đề nghị các địa phương đảm bảo các hợp phần thuộc dự án thành phần của mình thuộc trách nhiệm địa phương.	- Các dự án thành phần do UBND tỉnh Quảng Ngãi giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư, theo nội dung đề xuất kèm theo Công văn số 308/UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đề xuất Dự án Nước sạch và vệ sinh nông thôn, vốn vay WB.
	Về khả năng cân đối kế hoạch vốn cho dự án:	
4	- Xác định tổng nhu cầu dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài của địa phương, phân định rõ theo nguồn vốn (vốn nước ngoài, vốn đối ứng), đối tượng dự án (dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020, dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025), cơ chế tài chính đối với vốn nước ngoài (ngân sách trung ương cấp phát, vay lại) và nguồn bố trí vốn đối ứng.	- Đến thời điểm hiện nay, UBND tỉnh đã tổng hợp, đề xuất 09 dự án dự kiến vay vốn ODA và vốn vay ưu đãi, giai đoạn 2021-2025 với tổng mức đầu tư khoảng 4.810,0 tỷ VNĐ. Trong đó, vốn vay ODA dự kiến là 3.990,0 tỷ VNĐ, vốn đối ứng là 820,0 tỷ VNĐ.  Hạn mức nợ công cho phép của ngân sách địa phương khoảng 3.374 tỷ đồng/năm (không vượt quá 30% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp). Đến ngày 31/12/2020, số dư nợ vay ngân sách

		tính là 180,8 tỷ đồng, chưa vượt hạn mức vay cho phép.
	- Xác định mức độ ưu tiên đối với dự án thành phần của địa phương trong số các dự án dự kiến sử dụng vốn nước ngoài khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025.	- Đề xuất mức độ ưu tiên 1.
	- Về vốn đối ứng cho các dự án thành phần của địa phương: Đề nghị xác định rõ khả năng cân đối ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác để bố trí đối ứng.	- Tỉnh cam kết đưa Dự án vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của địa phương sau khi chủ trương đầu tư được Chính phủ phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công.
	- Về khả năng trả nợ của địa phương: Đề nghị xác định khả năng vay và trả nợ vay của địa phương trong giai đoạn 2021-2025 và dự kiến những giai đoạn tới đây để đáp ứng nhu cầu giải ngân và trả nợ phần vốn nước ngoài vay lại của dự án thành phần.	- Tỉnh cam kết trả nợ phần vốn vay lại từ Chính phủ trên cơ sở cân đối nguồn thu ngân sách hàng năm của tỉnh để trả nợ Chính phủ theo đúng điều kiện vay, thời hạn vay được quy định trong Hợp đồng vay lại.
<b>II</b>	<b>Ý kiến góp ý của Bộ Tài chính (Công văn số 11880/BTC-QLN ngày 29/9/2020)</b>	
	Về thủ tục trình duyệt và thực hiện đề xuất dự án:	
1	- Đề nghị làm rõ các nội dung dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương và làm rõ căn cứ xác định nhiệm vụ chi. Trên cơ sở đó lập báo cáo đề xuất dự án chi bao gồm các hoạt động, nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan mình, không đề xuất dự án đầu tư sử dụng vốn vay thuộc nhiệm vụ chi của các tỉnh, cơ quan trung ương khác, đảm bảo tiếp nhận nguồn vốn đúng với quy định về chức năng, nhiệm vụ.	- Chỉ vay chi cho đầu tư phát triển các công trình cấp nước tập trung có quy mô lớn gồm: Nhà nước đầu tư xây dựng mới 04 công trình và nâng cấp mở rộng 03 công trình và kêu gọi xã hội hóa 01 công trình. Phần chi cho hợp phần 2, cấp nước và vệ sinh bền vững, truyền thông nâng cao nhận thức, hỗ trợ quản lý vận hành và tăng cường thể chế do nguồn vốn ngân sách địa phương đảm nhận.
	- Đề nghị các địa phương rà soát các chương trình, đề án, dự án có nội dung tương tự đã được đầu tư trong thời gian qua cũng như đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện trong giai đoạn tới (đặc biệt là các chương trình, dự án có nội dung về phòng, chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Chương trình	- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chưa có dự án cấp nước sạch nông thôn nào dùng nguồn vốn vay WB để đầu tư.

	<p>Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc; một số dự án nước sạch và vệ sinh nông thôn như: Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch và hồ chứa nước vườn Quốc gia Cúc Phương, xây dựng Hệ thống Xử lý nước thải Học viện nông nghiệp Việt Nam, Nâng cấp, xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch và xử lý nước thải Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long, dự án Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn miền Trung, Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tại 21 tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ) để bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp, tránh lãng phí, kế thừa và phát huy thành quả của các chương trình, dự án đã đầu tư, đồng thời, việc đề xuất Dự án mới phải làm rõ sự cần thiết sử dụng vốn vay, hiệu quả đầu tư, vốn vay chỉ dành cho chi đầu tư phát triển theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 56/2020/NĐCP, Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong tình hình mới, không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên.</p>	
2	<p>Về cơ chế tài chính trong nước của dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về vốn vay nước ngoài: Đối với phần vốn vay của các tỉnh, đề nghị áp dụng cơ chế cho vay lại UBND các tỉnh theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.</li> <li>- Về vốn đối ứng thực hiện dự án: Ngân sách địa phương bảo đảm vốn đối ứng đối với các nội dung do địa phương thực hiện theo quy định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ</li> <li>- UBND tỉnh Quảng Ngãi cam kết bố trí đầy đủ, kịp thời vốn đối ứng theo quy định của dự án.</li> </ul>



<p>- Về khả năng cân đối bố trí vốn đầu tư giai đoạn 2021- 2025 (bao gồm vốn vay và vốn đối ứng): Đề nghị UBND các tỉnh phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về khả năng nguồn vốn bố trí cho dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và chỉ trình cấp có thẩm quyền thông qua dự án khi đã đảm bảo nguồn thực hiện.</p>	<p>- UBND tỉnh cam kết bố trí đủ vốn theo từng giai đoạn thực hiện của dự án.</p>
<p>Một số góp ý khác:</p>	
<p>- Hồ sơ đề xuất dự án cần xác định rõ sự cần thiết, tính cấp bách của việc đầu tư, đồng thời cần phù hợp với quy hoạch phát triển, trách nhiệm đầu tư của các chủ dự án, khả năng bố trí quỹ đất, giải phóng mặt bằng, khả năng bố trí vốn đối ứng theo tiến độ và tính toán sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội tại địa phương.</p>	<p>- Đến nay, tỷ lệ người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi sử dụng nước sạch đạt 45,46%; trong đó nước sạch từ các nhà máy nước đạt 16,14%. Cần đầu tư dự án này, để tăng tỷ lệ người dân nông thôn dùng nước sạch đến năm 2027 là 7,3%. Trách nhiệm của Chủ đầu tư thực hiện đúng theo quy định của Luật hiện hành và các điều kiện cho vay của WB.</p>
<p>3 - Phạm vi của dự án xác định tại 17 tỉnh, tuy nhiên một số tỉnh như Thanh Hóa, Bình Thuận, Ninh Thuận đã tham gia triển khai dự án Chương trình Nước sạch và vệ sinh nông thôn/Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tại 21 tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, vay vốn WB. Do đó, đề nghị làm rõ sự khác biệt giữa 2 chương trình và lựa chọn địa phương tránh trùng lặp.</p>	<p>- Tỉnh Quảng Ngãi không tham gia thực hiện dự án này.</p>
<p>- Theo báo cáo đề xuất dự án, phần lớn nội dung chi của dự án là để xây dựng mới và cải tạo công trình cấp nước, xây mới và cải tạo công trình nhà tiêu cho hộ gia đình, trạm y tế xã và trường học. Trường hợp là nâng cấp, cải tạo các công trình cũ đề nghị không đặt vấn đề sử dụng vốn vay IBRD nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn vay nước ngoài có chi phí cao thay vì sử dụng nguồn vốn trong nước. Đề nghị các địa phương căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản quy định hiện hành để xác định tổng mức đầu tư cho phù hợp với khả năng cân đối vốn trong</p>	<p>- Tỉnh Quảng Ngãi chỉ vay vốn WB đầu tư phát triển gồm: Nhà nước đầu tư xây dựng mới 04 công trình; nâng cấp, mở rộng 03 công trình và kêu gọi xã hội hóa 01 công trình.</p>

<p>giai đoạn 2020-2021, đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện.</p> <p>- Đề nghị UBND các tỉnh cung cấp chi tiết các bảng phân bổ chi phí (theo nguồn vốn) đối với từng hợp phần, nội dung hoạt động và đảm bảo tính chính xác của các số liệu.</p>	
<p>- Đề nghị UBND các tỉnh xác định rõ nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh và căn cứ pháp lý để đề xuất thực hiện các hoạt động xây dựng mới và cải tạo công trình cấp nước và nhà tiêu cho hộ gia đình, trạm y tế xã, trường học. Để tránh dàn trải và sử dụng vốn vay nước ngoài kém hiệu quả, đề nghị UBND các tỉnh không sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài để đầu tư cho các nội dung Tiểu hợp phần 1.2 và 1.3 thuộc Hợp phần Tiếp cận nước sạch và vệ sinh nông thôn (Tiểu hợp phần về xây mới và cải tạo nhà tiêu hợp vệ sinh hộ gia đình; công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh cho các trạm y tế xã; trường học khu vực nông thôn).</p>	<p>- Có bảng phân bổ chi tiết từng dự án cụ thể trong đề xuất Dự án.</p>
<p>- Đề nghị UBND các tỉnh làm rõ nội dung Hợp phần 2 và căn cứ pháp lý đề xuất phương thức giải ngân theo kết quả đầu ra 2: Cấp nước và vệ sinh bền vững. Để tăng cường hiệu quả sử dụng vốn vay, Bộ Tài chính đề nghị không sử dụng vốn vay nước ngoài để sử dụng cho nội dung Hợp phần 2, phần do các UBND tỉnh thực hiện.</p>	<p>- Hợp phần 2 UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng để thực hiện.</p>
<p>- Căn cứ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Chỉ thị số 18/CT- TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong tình hình mới cho chi đầu tư phát triển, không vay cho chi thường xuyên, đề nghị UBND các tỉnh không sử dụng vốn vay nước ngoài cho nội dung của Hợp phần 3: Tăng cường thể chế ngành và quản lý dự án.</p>	<p>- Hợp phần 3 UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng để thực hiện.</p>